

Bản án số: 187/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27-6-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thủy

Bà Lê Thị Minh Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2025/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2025/QĐ-ST ngày 19/06/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh ngày 24/5/1986 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024086015066

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị C, sinh ngày 30/12/1992 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 122023380

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Chị C ủy quyền giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án cho anh Trần Văn K, sinh năm 1974; Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị C được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 04/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị C về nhà anh làm dâu, vợ chồng chung sống

hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tháng 9/2019 chị C đi lao động tại nước ngoài (Hàn Quốc). Sau khi đi lao động vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến tháng 8/2024 thì phát sinh mâu thuẫn, kể từ đó không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống của người đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn chúng anh nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng nhưng không được. Chị C đi lao động từ đó đến nay chưa về nước thăm gia đình lần nào. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Lê Thị C.

Về con chung: anh và chị C có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/4/2012; cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 03/02/2016. Từ khi chị C đi lao động nước ngoài đến nay các con chung vẫn sinh sống cùng anh. Sau ly hôn anh đề nghị giao 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị C là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng, nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn của vợ chồng chị nhất trí với trình bày của anh C. Nay chị cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn anh C.

Về con chung: chị, anh C 02 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/4/2012; cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 03/02/2016. Từ khi chị đi lao động nước ngoài đến nay các con chung vẫn sinh sống cùng anh C. Sau ly hôn chị đề nghị giao 02 con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Anh K, Nguyễn Thanh B trình bày: Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng bố. Quá trình chung sống được bố chăm sóc cẩn thận chu đáo. Nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn sinh sống cùng bố.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn C, chị Lê Thị C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh C, chị C; biên bản lấy lời khai cháu K, B và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình

được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Lê Thị C.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K, Nguyễn Thanh B cho anh Nguyễn Văn C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Do anh C, chị C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do chị C gửi từ nước ngoài đến Tòa án: Do bản tự khai của chị C gửi đến Tòa án không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nước ngoài. Tòa án trưng cầu giám định dấu vân tay của chị C trong bản tự khai gửi đến Tòa án. Tại kết luận giám định số 1192/KL-KTHS ngày 20/06/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang nêu:

Dấu vân tay màu đỏ in tại mục “Ngón trỏ phải” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay tại ô “Trỏ phải” trên bản sao Chỉ bản số 122023380 mang tên Lê Thị C, sinh ngày 30/12/1992 (ký hiệu M) do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH – Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp là của cùng một người.

Dấu vân tay màu đỏ in tại mục “Ngón trỏ trái” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay tại ô “Trỏ trái” trên bản sao Chỉ bản số 122023380 mang tên Lê Thị C, sinh ngày 30/12/1992 (ký hiệu M) do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH – Công an tỉnh Bắc Giang cung cấp là của cùng một người.

Từ kết luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu của anh C, chị C gửi đến Tòa án để giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn C khởi kiện xin ly hôn chị Lê Thị C và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại công văn số 1639/QLXNC ngày 11/6/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bắc Giang xác định chị Lê Thị C đã xuất cảnh ngày 23/09/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Do đó, chị C được xác định đang cư trú tại nước ngoài, ngoài ra anh C, chị C đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Lê Thị C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/4/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống anh C xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn chị C. Chị C cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên đồng ý ly hôn anh C.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh C, Hội đồng xét xử thấy: anh C, chị C đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân, đã sống ly thân nhau một thời gian dài. Do đó, Hội đồng xét xử thấy vợ chồng anh C, chị C đã có thời gian dài không quan tâm, liên lạc với nhau, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, xử cho anh C được ly hôn chị C là phù hợp tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp quy định của pháp luật cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Anh C, chị C có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/4/2012; cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 03/02/2016. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng anh C. Ly hôn, anh C, chị C đều đề nghị giao con chung cho anh C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu K, B có nguyện vọng được ở cùng bố nếu bố mẹ ly hôn.

Xét yêu cầu giao nuôi con chung của anh C sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: Chị C đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị C, anh C đều đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho anh C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các con chung đều đang sinh sống ổn định cùng anh C và có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh C, chị C về việc giao anh C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung

sau ly hôn là phù hợp với thực tế, phù hợp các quy định của pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Lê Thị C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp chị Lê Thị C có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh C, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do anh C, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam có thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị C đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn C.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Lê Thị C.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 30/4/2012; cháu Nguyễn Thanh B, sinh ngày 03/02/2016 cho anh Nguyễn Văn C là người

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005732 ngày 12/05/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Lê Thị C có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Gia Lương